BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 74/2020/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2020*

THÔNG TƯ
Quy định việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với công dân Việt Nam tại cửa khẩu

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 140/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Biên giới quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;

Căn cứ Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với công dân Việt Nam tại cửa khẩu.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc, khu vực kiểm soát xuất nhập cảnh; công tác kiểm tra, giám sát, kiểm chứng người và giấy tờ xuất nhập cảnh đối với công

dân Việt Nam tại cửa khẩu và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh; đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới đất liền, cửa khẩu cảng, cửa khẩu đường hàng không; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mục đích, nguyên tắc kiểm soát xuất nhập cảnh

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm mọi hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh phải được kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, nghiêm cấm việc lợi dụng công tác kiểm soát xuất nhập cảnh để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

4. Việc kiểm soát xuất nhập cảnh nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các trường hợp không đủ điều kiện xuất cảnh, nhập cảnh; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam tại cửa khẩu.

5. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế.

Điều 4. Phạm vi, khu vực kiểm soát xuất nhập cảnh

1. Phạm vi, khu vực kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu đường hàng không được tính từ khu vực khách xếp hàng làm thủ tục xuất cảnh đến cửa tàu bay và từ cửa tàu bay đến bục kiểm soát nhập cảnh.

2. Phạm vi, khu vực kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới đất liền bao gồm phạm vi khu vực cửa khẩu biên giới đất liền được xác định theo quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

3. Phạm vi, khu vực kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu cảng bao gồm:

a) Phạm vi cảng biển, bến cảng, cầu cảng, cảng dầu khí ngoài khơi do Bộ Giao thông vận tải hoặc Cục Hàng hải Việt Nam công bố mở theo thẩm quyền được

pháp luật quy định cho tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài đến, rời để bốc dỡ hàng hóa, đón trả hành khách và thực hiện hoạt động khác; phạm vi cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, cảng cá nằm trong vùng nước cảng biển.

b) Phạm vi cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố mở theo thẩm quyền được pháp luật quy định cho tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng để bốc dỡ hàng hóa, đón trả hành khách và thực hiện hoạt động khác; phạm vi bến thủy nội địa có vùng nước trước cầu cảng thuộc vùng nước cửa khẩu cảng thủy nội địa.

Chương II
KIỂM SOÁT XUẤT NHẬP CẢNH ĐỐI VỚI CÔNG DÂN VIỆT NAM

Điều 5. Kiểm tra, kiểm chứng người và giấy tờ xuất nhập cảnh

1. Nhiệm vụ của đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh:

a) Kiểm tra xác định tính hợp lệ, hợp pháp của giấy tờ xuất nhập cảnh và điều kiện xuất cảnh, nhập cảnh;

b) Xác định sự đồng nhất giữa người xuất cảnh, nhập cảnh với giấy tờ xuất nhập cảnh;

c) Nhập thông tin của người xuất cảnh, nhập cảnh vào hệ thống kiểm soát xuất nhập cảnh và bổ sung các thông tin cần thiết;

d) Kiểm tra, đối chiếu các thông tin nhân thân trong giấy tờ xuất nhập cảnh với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam qua kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp qua mạng chuyên dùng;

đ) Kiểm chứng vào giấy tờ xuất nhập cảnh;

e) Thực hiện tạm hoãn xuất cảnh đối với công dân Việt Nam khi có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Công tác kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới đất liền thực hiện các quy định khác tại Điều 5, Điều 6, Khoản 1 Điều 8, Điều 22 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

3. Công tác kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu cảng thực hiện các quy định khác tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng.

4. Trường hợp người đi trên phương tiện quốc phòng, an ninh ra, vào lãnh thổ Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; công dân Việt Nam sử dụng cổng kiểm soát xuất nhập cảnh tự động thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 6. Giám sát xuất nhập cảnh

1. Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thực hiện giám sát xuất nhập cảnh tại các khu vực được quy định tại Điều 4 Thông tư này, có trách nhiệm cụ thể như sau:

a) Hướng dẫn, điều tiết khách xếp hàng trật tự trước các bục kiểm soát; chỉ dẫn những điều cần thiết khi hành khách đề nghị hoặc thắc mắc;

b) Giám sát, quản lý khách và những người được phép ra, vào khu vực kiểm soát xuất nhập cảnh; phát hiện, ngăn chặn những người không có nhiệm vụ vào khu vực kiểm soát xuất nhập cảnh; kiểm tra giấy tờ người có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh hoặc vi phạm pháp luật khác vào, ra khu vực kiểm soát xuất nhập cảnh.

c) Giám sát chặt chẽ người lên, xuống phương tiện;

d) Tổ chức công tác tuần tra, kiểm soát tại khu vực cửa khẩu; giám sát chặt chẽ việc xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

2. Công tác giám sát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới đất liền thực hiện các quy định khác tại các Điều 5, Điều 6, Khoản 1 Điều 8, Điều 22 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

3. Công tác giám sát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu cảng thực hiện các quy định khác tại các Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Trách nhiệm của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an

1. Chủ trì, tham mưu lãnh đạo Bộ Công an chỉ đạo thực hiện công tác kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Công an quản lý.

2. Kiểm tra, hướng dẫn đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu do Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao quản lý.

3. Phối hợp với Cục Cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng hướng dẫn Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với công dân Việt Nam tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của Cục Cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, tham mưu lãnh đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng chỉ đạo thực hiện công tác kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

2. Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

3. Phối hợp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an hướng dẫn Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với công dân Việt Nam tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

2. Khoản 1 Điều 4, Khoản 1 Điều 5, Khoản 1 Điều 6 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Cục Cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng; Giám đốc Công an, Chỉ huy

trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm